

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 3 - 2020

Về việc “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Đến
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lánh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Kinh, xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị Thống E, sinh năm 1983 (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Rạch Ngựa, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thống E xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình ông T và bà E chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 09/9/2003, cháu N phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và hiện tại đang sống với ông T. Thời gian đầu hôn nhân thì ông T và bà E chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T và bà E không thể hàn gắn tình cảm được nên đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Ông Nguyễn Văn T xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Đoàn Thị Thống E.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung: Ông Nguyễn Văn T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 09/9/2003, không yêu cầu bà E cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 03/01/2020 bà Đoàn Thị Thống E trình bày: Về hôn nhân bà Đoàn Thị Thống E thống nhất ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Vì trong quá trình chung sống giữa bà và ông T mâu thuẫn với nhau có lần ông T đánh đập bà E nên bà E và ông T đã ly thân với nhau hơn 06 năm.

Con chung: Bà E thống nhất để cho ông T nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 09/9/2003, bà E không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Cháu Nguyễn Thị Yến N trình bày ý kiến:* Cha mẹ của cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu được sống với cha là ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện đúng theo các quy định tại các Điều 51, 68, 97, 177, 196, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Cho ông T và bà E được ly hôn với nhau. Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 09/9/2003 cho anh T được

quyền nuôi dưỡng. Ngoài ra, Vị kiểm sát viên còn phát biểu các vấn đề đương sự không yêu cầu và nghĩa vụ chịu án phí.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị Thống E, cháu Nguyễn Thị Yến N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị Thống E và cháu Nguyễn Thị Yến N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thống E xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân được pháp luật thừa nhận.

[4] Trong quá trình chung sống từ khi xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2002, ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thống E chung sống hạnh phúc, có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 09/9/2003. Ông Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với bà Đoàn Thị Thống E lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên mâu thuẫn kéo dài nên đã ly thân từ 2012 cho đến nay mà không thể hàn gắn tình cảm để chung sống với nhau được nên ông T yêu cầu ly hôn với bà E. Mặt khác, bà E cũng đồng ý ly hôn với ông T vì cho rằng ông T có lần đánh bà và cũng đã ly thân hơn 06 năm. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của ông T và bà E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bởi vì thời gian ly thân của ông Thống và bà E kéo dài mà hai bên không hàn gắn tình cảm được, không chung sống với nhau được. Vì vậy, xét thấy cho ông T ly hôn với bà E là có cơ sở.

[5] Con chung: Trong thời gian ông T và bà E ly thân với nhau thì con chung tên Nguyễn Thị Yến N vẫn sống chung với ông T và phát triển tốt về tinh thần và thể chất. Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung tên Nguyễn Thị Yến N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là tạo điều kiện tốt cho việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu N và phù hợp với nguyện vọng của cháu N, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thống E trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Nguyễn Văn T. Cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Đoàn Thị Thống E.

Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 09/9/2003 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thống E không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai số 0006773 ngày 13/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, ông Nguyễn Văn T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

** Nơi nhận:*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thu Trang